

Bản án số: **155/2022/DS-PT**

Ngày: 29/6/2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất  
và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tào

*Các thẩm phán:* Ông Phạm Việt Cường

Ông Đặng Kim Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2022/TLPT-DS ngày 10/02/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1782/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Võ Thị N (em), sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Công H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 1547, đường T1, khối 7A, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bà Võ Thị N (chị), sinh năm 1959;

Địa chỉ: 60 đường L, phường H3, quận H4, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Bà Võ Thị X1, sinh năm 1956; Vắng mặt.

4. Bà Võ Thị C, sinh năm 1954; Có mặt.

5. Ông Võ B, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị N (chị), bà Võ Thị X1, bà Võ*

*Thị C và ông Võ B:* Ông Phan Công H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 1547, đường T1, khối 7A, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*- Bị đơn:*

1. Ông Võ Văn V, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ 8, khối phố S1, phường C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

Vắng mặt.

2. Ông Võ H5, sinh năm 1931;

Địa chỉ: Tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Vắng

mặt.

3. Ông Võ H6, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ 36A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Vắng

mặt.

4. Ông Võ S2, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Vắng

mặt.

5. Ông Võ H6 (Tường), sinh năm 1955;

Địa chỉ: Tổ 40 (nay là 46), khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng

Nam. Vắng mặt.

6. Ông Võ Văn K1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn Thanh Nhì, xã Cẩm Thanh, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

Vắng mặt.

7. Ông Võ Văn M, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ 39, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Vắng

mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ H6 (Tường), ông Võ S2, ông Võ Văn K1, ông Võ Văn M:* Ông Nguyễn Doãn H6, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1996; Cùng địa chỉ: 05 Nguyễn Khoái, phường H3, quận H4, thành phố Đà Nẵng. Chị D vắng; ông H6, có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn Thành Nh – Phó Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố H1. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Tộc Võ V3 tại khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

Tộc trưởng là ông Võ Tiền, người đại diện theo ủy quyền của Tộc Võ V3 là ông Nguyễn Doãn H6. Có mặt.

3. Ông Từ Văn Th, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Có

mặt.

**Người kháng cáo:** Bị đơn ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ H6 (Tuồng), ông Võ S2, ông Võ Văn K1, ông Võ Văn M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.675m<sup>2</sup> tại tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam là do ông Võ X2 và bà Nguyễn Thị Th1 (đều đã chết) tạo lập và sử dụng từ trước năm 1975 và đã được UBND thị xã H1 (nay là thành phố H1) cấp Giấy CNQSD đất ngày 31/01/1997. Ông X2 và bà Th1 trong quá trình sử dụng có chừa 120m<sup>2</sup> để làm lối đi nội bộ vào nhà. Năm 1999, ông X2 và bà Th1 chuyển nhượng cho ông Từ Văn Th và bà Võ Thị N (em) 288m<sup>2</sup> trong tổng diện tích của thửa số 442 nói trên và diện tích còn lại là 1.387m<sup>2</sup>.

Sau khi ông X2 và bà Th1 chết thì các con ông bà là Võ Thị C, Võ Thị X1, Võ Thị N (chị), Võ Thị N (em) và Võ B vẫn làm nhà ở, quản lý và sử dụng ổn định thửa đất trên.

Đến năm 2015, các con ông X2, bà Th1 làm đơn xin chỉnh lý biến động và xác định ranh giới đất với các hộ liền kề. Khi cơ quan chức năng đến đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới đất thì đại diện Tộc Võ V3 là các ông Võ Văn V, Võ H5, Võ S2, Võ H6 (Tuồng), Võ Văn K1, Võ Văn M cản trở vì cho rằng phần đất 120m<sup>2</sup> mà ông X2, bà Th1 làm lối đi nội bộ là đất của Tộc Võ V3, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành.

Do đó, các bà Võ Thị N (em), Võ Thị N (chị), Võ Thị X1, Võ Thị C và ông Võ B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các ông Võ Văn V, Võ H5, Võ H6, Võ S2, Võ H6 (Tuồng), Võ Văn K1 và Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.387m<sup>2</sup> tại tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam của bà N (em), bà N (chị), bà X1, bà C và ông B.

Sau khi có Trích đo địa chính thửa đất, nguyên đơn tự nguyện giao quyền sử dụng đất diện tích 374,7m<sup>2</sup> tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40 tại khối H, phường T, thành phố H1 nằm trong Giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Võ X2 thuộc quyền quản lý sử dụng của Tộc Võ V3.

Nguyên đơn tự nguyện công nhận phần diện tích 14,8m<sup>2</sup> đất (có chiều ngang 3m, từ điểm 21 kéo về điểm 20, chiều dài tiếp giáp với đường kéo vuông góc từ điểm 24 với đoạn thẳng được nối từ điểm 2 và 21) của thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40 tại khối H, phường T, thành phố H1 nằm trong Giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Võ X2, được sử dụng cho lối đi chung giữa hộ ông Võ X2 và Tộc Võ V3.

Trên phần đất tranh chấp có cây của hộ ông Võ X2, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu giải quyết, giao cho Tộc Võ V3 được quyền sử dụng.

*Bị đơn trình bày:*

Thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 tại tổ 38, khối H, phường T, thành phố H1,

tỉnh Quảng Nam (trước đây là thửa số 104, tờ bản đồ số 05, tại thôn T, xã Cẩm Hà, huyện Đ1) có nguồn gốc là của Tộc Võ V3 hơn 200 năm nay, nhà thờ Tộc Võ V3 được xây dựng trên thửa đất đó từ năm 1807, trước cả thời điểm nguyên đơn cho rằng ông X2 và bà Th1 khai phá thửa đất trên. Nhà thờ Tộc Võ V3 đã được cấp Chứng thư kiến điền vào năm 1963. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chấm dứt quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ.

- Các ông Võ Văn V, Võ H5, Võ H6, Võ S2, Võ H6 (Tường), Võ Văn K1 và Võ Văn M có đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất do UBND thị xã H1 (nay là UBND thành phố H1) cấp ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2 và công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 tại tổ 38, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam cho Tộc Võ V3.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của UBND thành phố H1 trình bày:*

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc: Theo Sổ mục kê đất đai thống kê số liệu và bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg là một phần của thửa đất số 371, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.366m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư do ông Võ X2 và bà Võ Yên đăng ký. Theo hồ sơ Nghị định 64/CP thì thửa đất số 371, tờ bản đồ số 10 trên được tách thành 02 thửa: Thửa 441, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.115m<sup>2</sup>, loại đất xây dựng do Tộc Võ V3 đăng ký (trên đất có nhà thờ được xây dựng trước năm 1980) và thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.675m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư do ông Võ X2 đăng ký. Thửa đất 442, tờ bản đồ số 5 được UBND thị xã H1 cấp Giấy CNQSD đất ngày 31/01/1997 với diện tích 1.675m<sup>2</sup> loại đất thổ cư cho hộ ông Võ X2 quản lý, sử dụng.

Việc cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 tại tổ 38, khối H, phường T, thành phố H1 vào ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất trên của bị đơn là không có cơ sở.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021  
Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:***

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 3, 20, 21, 73 Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998; Điều 16, Điều 17 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 16/11/1999; khoản 5 Điều 26, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N (em), Võ Thị N (chị), Võ Thị X1, Võ Thị C và ông Võ B về việc: Buộc các ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ S2, ông Võ H6 (Tường), ông Võ Văn K1 và ông Võ Văn

M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40), đối với diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> tại khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam do UBND thị xã H1 (nay là thành phố H1) cấp ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 374,7m<sup>2</sup> tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) tại khối H, phường T, thành phố H1 thuộc quyền quản lý sử dụng của Tộc Võ V3.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14,8m<sup>2</sup> (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) nằm trong thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40), diện tích 1.387m<sup>2</sup> do UBND thành phố H1 cấp Giấy CNQSD đất cho Hộ ông Võ X2 ngày 31/01/1997 được sử dụng làm lối đi chung giữa hộ ông Võ X2 và Tộc Võ V3.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ S2, ông Võ H6 (Trường), ông Võ Văn K1 và ông Võ Văn M về việc: Hủy Giấy CNQSD đất do UBND thị xã H1 (nay là thành phố H1) cấp ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2 đối với diện tích 1.387m<sup>2</sup> tại thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) tại khối H, phường T, thành phố H1 và không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) tại khối H, phường T, thành phố H1 cho Tộc Võ V3.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 374,7m<sup>2</sup> tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) tại khối H, phường T, thành phố H1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, định giá tài sản, án phí sơ thẩm, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/12/2021, bị đơn ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ H6 (Trường), ông Võ S2, ông Võ Văn K1, ông Võ Văn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các ông Võ Văn V, Võ H5, Võ H6, Võ H6 (Trường), Võ S2, Võ Văn K1 và Võ Văn M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của các ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ H6 (Tuồng), ông Võ S2, ông Võ Văn K1 và ông Võ Văn M; nhận thấy:

[1.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Tại Công văn số 2178/UBND ngày 18/7/2019 của UBND thành phố H1 (kèm theo tài liệu chứng minh) gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xác định:

- Theo hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg thì diện tích đất tranh chấp là một phần của thửa đất số 371, tờ bản đồ số 10, diện tích  $2.366\text{m}^2$ , loại đất thổ cư do ông Võ X2, bà Võ Yên đăng ký.

- Theo hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP thì thửa đất số 371, tờ bản đồ số 10 được tách thành 02 thửa (thửa số 441, 442); trong đó thửa số 441, tờ bản đồ số 5, diện tích  $1.115\text{m}^2$ , loại đất xây dựng do nhà thờ Tộc họ Văn đăng ký (trên đất có nhà thờ được xây dựng trước năm 1980); thửa số 442, tờ bản đồ số 5, diện tích  $1.675\text{m}^2$ , loại đất thổ cư do ông Võ X2 đăng ký và được UBND thị xã H1 (nay là thành phố H1) cấp GCNQSD đất số H 349852 ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2.

[1.2] - Tại trích đo địa chính thửa đất (kèm theo hồ sơ thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam) số 2824/CNVPĐKĐĐ, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H1 thực hiện ngày 19/8/2020; tổng diện tích đất tranh chấp theo hiện trạng  $1.387\text{m}^2$ , trong đó có diện tích  $374,7\text{m}^2$  chồng lấn lên nhà từ đường của Tộc họ Văn, nguyên đơn đã tự nguyện giao quyền sử dụng đất diện tích  $374,7\text{m}^2$  này Tộc Võ V3 quản lý sử dụng và không yêu cầu giải quyết đối với diện tích  $374,7\text{m}^2$  này.

- Tại Công văn số 2099/UBND ngày 23/7/2021 của UBND thành phố H1, về việc cung cấp thông tin theo đề nghị của Tòa án, xác định: “Theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ tại phường T thì thửa số 442, tờ bản đồ số 5 (mà ông Võ X2 đã được cấp GCN) có hình thể không phù hợp với hình thể tại Trích đo địa chính thửa đất (kèm theo hồ sơ thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam) số 2824/CNVPĐKĐĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H1 thực hiện ngày 19/8/2020; cụ thể là: Theo bản đồ Hồ sơ 64/CP thì hình thể thửa đất 442 phù hợp với phần diện tích hiện trạng sau khi trừ đi phần diện tích tranh chấp ( $374,7\text{m}^2$ , cạnh 2-22 là ranh giới thửa đất). Mặc khác, theo Hồ sơ 64/CP thì phần diện tích  $374,7\text{m}^2$  trên phù hợp với hình thể của thửa đất số 441, tờ bản đồ số 5. Do đó, phần diện tích này có cơ sở để xem xét cấp GCNQSDĐ cho Tộc Võ V3”. Do đó, án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất diện tích  $374,7\text{m}^2$  tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40), khối H, phường T, thành phố H1 thuộc quyền quản lý sử dụng của Tộc Võ V3 và đình chỉ xét xử đối với phần diện tích này. Chỉ giải quyết đối với diện tích  $1.012,3\text{m}^2$  tại thửa đất số 442,

tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1.3] Tộc Võ V3 cung cấp Chứng thư kiến điền do Trường ty điền địa Quảng Nam cấp ngày 26/2/1963 để cho rằng: Phần diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của Tộc Võ V3; tuy nhiên trong Chứng thư kiến điền không có nội dung nào thừa nhận là đất của Tộc Võ V3 mà là đất của ông Võ Văn Ngừ thừa kế; trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định ông Ngừ đã chết, con cháu ông Ngừ không còn ai. Tộc Võ V3 cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh phần diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp trên nằm trong Giấy CNQSD đất của hộ ông Võ X2, thuộc quyền quản lý sử dụng của Tộc Võ V3. Tộc Võ V3 cũng không phải là người đang quản lý sử dụng phần diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp. Mặt khác, tại Công văn số 958/STNMT-VPĐK ngày 29/4/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xác định: Chứng thư kiến điền do Ty Điền địa Quảng Nam cấp ngày 26/02/1963 không phải là một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; đồng thời xác định đơn vị diện tích, hệ tọa độ thành lập bản đồ có sự khác nhau giữa Chứng thư kiến điền với hồ sơ địa chính được lập theo Nghị định 64/CP. Do vậy không có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp 1.675m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư thuộc thửa 31, tờ bản đồ 40 (theo hồ sơ Nghị định 64/CP là thửa đất 442, tờ bản đồ số 05), tại Tổ 38, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam có phải là một phần trong diện tích 31 sào 80 thước (thửa 104. Tờ bản đồ số 5) của Chứng thư kiến điền do Trường ty điền địa Quảng Nam cấp ngày 26/2/1963 hay không.

- Diện tích đất tranh chấp, gia đình ông Võ X2 sử dụng liên tục từ trước năm 1975 đến nay; quá trình sử dụng ông X2 đều kê khai quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg và theo Nghị định 64/CP và năm 1997 được UBND thành phố H1 cấp Giấy CNQSD đất. Mặt khác, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự có mặt đều thừa nhận trên phần diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> đất nằm trong Giấy CNQSD đất của hộ ông Võ X2 hiện đang tranh chấp có 03 ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Võ X2 và các con ông Võ X2, không có tài sản vật kiến trúc, cây trồng gì thuộc quyền sở hữu của Tộc Võ V3. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các ông Võ Văn V, Võ H5, Võ H6, Võ S2, Võ H6 (Tường), Võ Văn K1 và Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40), đối với diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> tại tổ 38A, khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ S2, ông Võ H6 (Tường), ông Võ Văn K1 và ông Võ Văn M về việc: Hủy Giấy CNQSD đất do UBND thị xã H1 (nay là thành phố H1) cấp ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2 đối với diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> tại thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số

31, tờ bản đồ số 40) tại khối H, phường T, thành phố H1 và không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) tại khối H, phường T, thành phố H1 cho Tộc Võ V3 là có căn cứ.

[1.4] Đối với phần diện tích 14,8m<sup>2</sup> đất (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) nằm trong thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.387m<sup>2</sup> do UBND thành phố H1 cấp Giấy CNQSD đất cho Hộ ông Võ X2 ngày 31/01/1997: Tại Biên bản hòa giải ngày 25/12/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện công nhận được sử dụng làm lối đi chung giữa hộ ông Võ X2 và Tộc Võ V3. Do đó, án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn: Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14,8m<sup>2</sup> đất (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) nằm trong thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5, do UBND thành phố H1 cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Võ X2 ngày 31/01/1997, được sử dụng làm lối đi chung giữa hộ ông Võ X2 và Tộc Võ V3.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các ông Võ H6, Võ Văn K1, Võ Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Các ông Võ Văn V, Võ H5, Võ H6 (Tường), ông Võ S2 được miễn án phí vì thuộc diện người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ H6 (Tường), ông Võ S2, ông Võ Văn K1, ông Võ Văn M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 3, 20, 21, 73 Luật đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 26, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 16, Điều 17 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 16/11/1999; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N (em), Võ Thị N (chị), Võ Thị X1, Võ Thị C và ông Võ B về việc: Buộc các ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ S2, ông Võ H6 (Tường), ông Võ Văn K1 và ông Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40), đối với diện tích 1.012,3m<sup>2</sup> tại khối H, phường T, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam do UBND thị xã H1 (nay là thành phố H1) cấp ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 374,7m<sup>2</sup> tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) tại khối H, phường T, thành phố H1 thuộc quyền quản lý sử dụng của Tộc Võ V3.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14,8m<sup>2</sup> (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) nằm trong thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40), diện tích 1.387m<sup>2</sup> do UBND thành phố H1 cấp Giấy CNQSD đất cho Hộ ông Võ X2 ngày 31/01/1997 được sử dụng làm lối đi chung giữa hộ ông Võ X2 và Tộc Võ V3.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Võ Văn V, ông Võ H5, ông Võ H6, ông Võ S2, ông Võ H6 (Tường), ông Võ Văn K1 và ông Võ Văn M về việc: Hủy Giấy CNQSD đất do UBND thị xã H1 (nay là thành phố H1) cấp ngày 31/01/1997 cho hộ ông Võ X2 đối với diện tích 1.387m<sup>2</sup> tại thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) tại khối H, phường T, thành phố H1 và không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 442, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 40) tại khối H, phường T, thành phố H1 cho Tộc Võ V3.

Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét cấp Giấy CNQSD đất và điều chỉnh diện tích trên diện tích trên Giấy CNQSD đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các ông Võ H6, Võ Văn K1, Võ Văn M mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000079, số 0000080, số 0000081 ngày 10/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với các ông Võ Văn V, Võ H5, Võ H6 (Tường), ông Võ S2.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra II – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tào**